

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH Đ**

Bản án số: **64/2023/DS-ST**.

Ngày: 18/9/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Trụ sở: số 130, đường Phan Đăng Lưu, phường 3, quận P, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Như P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ, phòng giao dịch E.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mạnh Trọng H – Nhân viên Khách hàng cá nhân – phòng giao dịch E (Theo văn bản ủy quyền Số: 99/QĐUQ - DAB -EK-095 ký ngày 23/02/2023). *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Quách Văn T sinh năm 1968 và bà Bùi Thị C sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn 6, xã C, huyện E, tỉnh Đ. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày:*

Ngày 03/12/2020 ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C có ký hợp đồng tín dụng (vay vốn) với Ngân hàng TMCP Đ – phòng giao dịch E (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay 03/12/2020, lãi suất trong hạn 11%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để đầu tư nông nghiệp và tiêu dùng theo thoả thuận tại Hợp đồng Tín dụng số: N.1006/120 ký ngày 03/12/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T bà C có thể chấp quyền sử dụng diện tích đất 9.294,7 m², thửa đất số 03, tờ bản đồ 195 tại Thôn 6 – Xã C - Huyện E - tỉnh Đ; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 068080 số vào sổ cấp GCN: CH 01653 do UBND huyện E cấp ngày 09/05/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Quách Văn T, và bà Bùi Thị C theo Hợp đồng Thế chấp số: K.0672/TC19 ký ngày 02/12/2019; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 03/12/2020.

Trong quá trình vay, từ ngày 03/12/2020 đến ngày 06/07/2023, ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C đã thanh toán: Lãi trong hạn đã trả là: 2.218.000 đ đóng ngày 03/06/2021.

Do ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C đã vi phạm cam kết từ ngày 02/12/2021 trở đi không thanh toán gốc và lãi khi đến hạn nên vi phạm Điều 4 nghĩa vụ trả nợ được đảm bảo của hợp đồng tín dụng số: N.1006/120 ký ngày 03/12/2020 và không có ý định trả nợ cho ngân hàng mặc dù nhân viên Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần. Tính đến ngày 18/9/2023, ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C còn nợ các khoản sau: Vốn gốc: 40.000.000đ, lãi trong hạn 2.182.000đ, lãi quá hạn 11.862.000đ, tổng cộng cả gốc + lãi là 54.044.000đ.

- Do đó Ngân hàng yêu cầu buộc ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 18/9/2023 là: 54.044.000đ (Bằng chữ: Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến ngày ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C trả hết nợ.

Trường hợp Ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật

Sau khi ông T bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T bà C các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số: K.0672/TC19 ký ngày 02/12/2019; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 03/12/2020, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 068080 số vào sổ cấp GCN: CH 01653 do UBND huyện E cấp ngày 09/05/2016.

*** Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Quách Văn T trình bày:**

Ông T đồng ý và thừa nhận nội dung vay tín dụng đúng như đại diện của Ngân hàng trình bày, ngày 03/12/2020 vợ chồng ông T có vay Ngân hàng số tiền 40.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay 03/12/2020, lãi suất trong hạn 11%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để đầu tư nông nghiệp và tiêu dùng theo thoả thuận tại Hợp đồng Tín dụng số : N.1006/120 ký ngày 03/12/2020.

Ông T bà C có thể chấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 9.294,7 m², thửa đất số 03, tờ bản đồ 195 tại Thôn 6 – Xã C - Huyện E - tỉnh Đ; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 068080 cấp cho ông Quách Văn T, và bà Bùi Thị C.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T bà C chỉ trả được cho Ngân hàng khoản 2.218.000 đ tiền lãi, dẫn đến Ngân hàng làm đơn khởi kiện. Nay ông T bà C chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do kinh tế gia đình khó khăn nên xin được trả dần.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Bùi Thị C nhưng bà C không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298. 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

- Buộc ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 54.044.000đ. Trong đó: nợ gốc: 40.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 14.044.000đ. Và lãi suất phát sinh từ ngày 19/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông T bà C có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đ và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện E. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông T, bà C nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng số N.1006/120 ký ngày 03/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ – phòng giao dịch E với ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C, HĐXX xét thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông T bà C đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng.

Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là có căn cứ.

2.2. Về lãi suất: Căn cứ thỏa thuận lãi suất tại hợp đồng tín dụng số N.1006/120 ký ngày 03/12/2020 thì mức lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS 2015. Nên cần buộc ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C hoàn trả cho ngân hàng số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/9/2023, lãi trong hạn 2.182.000đ, lãi quá hạn 11.862.000đ.

Như vậy, tổng cộng ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 54.044.000đ. Trong đó: nợ gốc: 40.000.000đ. nợ lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 14.044.000đ. Và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/9/2023 đến ngày ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C trả hết nợ.

2.3. Xét hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ông T bà C đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0672/TC19 ký ngày 02/12/2019; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 03/12/2020 đối với quyền sử dụng diện tích đất 9.294,7 m², thửa đất số 03, tờ bản đồ 195 tại Thôn 6 – Xã C - Huyện E - tỉnh Đ; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 068080 cấp cho ông Quách Văn T, và bà Bùi Thị C.

Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng theo quy định pháp luật. Do đó trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 BLDS.

Trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả lại cho bị đơn QSDĐ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (đã chi xong), nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000đ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Buộc ông T bà C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 3.000.000đ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể:

- Ông Quách Văn T và bà Bùi Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 54.044.000đ x 5% = 2.702.200đ

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ – phòng giao dịch E 1.257.525đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Mạnh Trọng H nộp) tạm ứng án phí theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0000972 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298. 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

- Buộc ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 54.044.000đ. Trong đó: nợ gốc: 40.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 14.044.000đ.

Từ ngày 19/9/2023 ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số N.1006/120 ký ngày 03/12/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ông T, bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T bà C các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: K.0672/TC19 ký ngày 02/12/2019; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 03/12/2020 là Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 068080 do UBND huyện E cấp cho ông T, bà C ngày 09/05/2016 đối với diện tích đất 9.294,7 m², thửa đất số 03, tờ bản đồ 195 tại thôn 6, xã C, huyện E, tỉnh Đ.

- Trường hợp ông T, bà C không trả được nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu kê biên, phát mãi xử lý các tài sản thế chấp là diện tích đất 9.294,7 m², thửa đất số 03, tờ bản đồ 195 tại thôn 6,

xã C, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068080 để thu hồi nợ.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Quách Văn T, bà Bùi Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định.

[3] Về án phí:

- Ông ông T, bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.702.200đ

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ – phòng giao dịch E 1.257.525đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Mạnh Trọng H nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2022/0000972 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ

[4]. Quyền kháng cáo:

- Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương